



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (0269) 3830013

Fax: (0269) 3830013

Website: [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI



## MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b> .....	3
	Thông tin khái quát .....	3
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
	Định hướng phát triển .....	7
	Các rủi ro .....	7
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017</b> .....	9
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 .....	9
	Tổ chức và nhân sự .....	10
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .....	12
	Tình hình tài chính .....	12
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	13
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	14
	Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 .....	14
	Tình hình tài chính .....	14
	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018 .....	15
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	17
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty .....	17
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty .....	18
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....	19
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	21
	Hội đồng quản trị .....	21
	Ban kiểm soát .....	27
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	32
	Ý kiến kiểm toán .....	32
	Báo cáo tài chính được kiểm toán .....	32

## PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy CNĐKDN : số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/05/2002, thay đổi lần 9 ngày 13 tháng 4 năm 2016
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (0269) 383 0013
- Fax : (0269) 383 0013
- Website : [www.ghc.vn](http://www.ghc.vn)
- Mã cổ phiếu : **GHC**

Quá trình hình thành và phát triển:

14/03/2002

- Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.

02/06/2008

- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

2009

- Tháng 03/2009 Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN.
- Tháng 11/2009 tăng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng

2011

- Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2014

- Ngày 28/10/2014 tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng.
- Đến ngày 29/12/2018 là 4028 cổ đông.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Hiện nay hoạt động sản xuất chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ theo hình thức BOO (Đầu tư xây dựng – Sở hữu – Vận hành kinh doanh). Nguồn doanh thu chính của Công ty trong các năm qua toàn bộ từ vận hành sản xuất điện năng của 02 nhà máy thủy điện H'Chan và nhà máy thủy điện H'Mun.



### Nhà máy thủy điện H'Chan

Công suất 12 MW

Địa chỉ: xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2002 và hoàn thành đưa vào khai thác vận hành từ tháng 09/2006 với sản lượng điện trung bình hàng năm là 55 triệu kWh.



### Nhà máy thủy điện H'Mun

Công suất 16,2 MW

Địa chỉ: xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

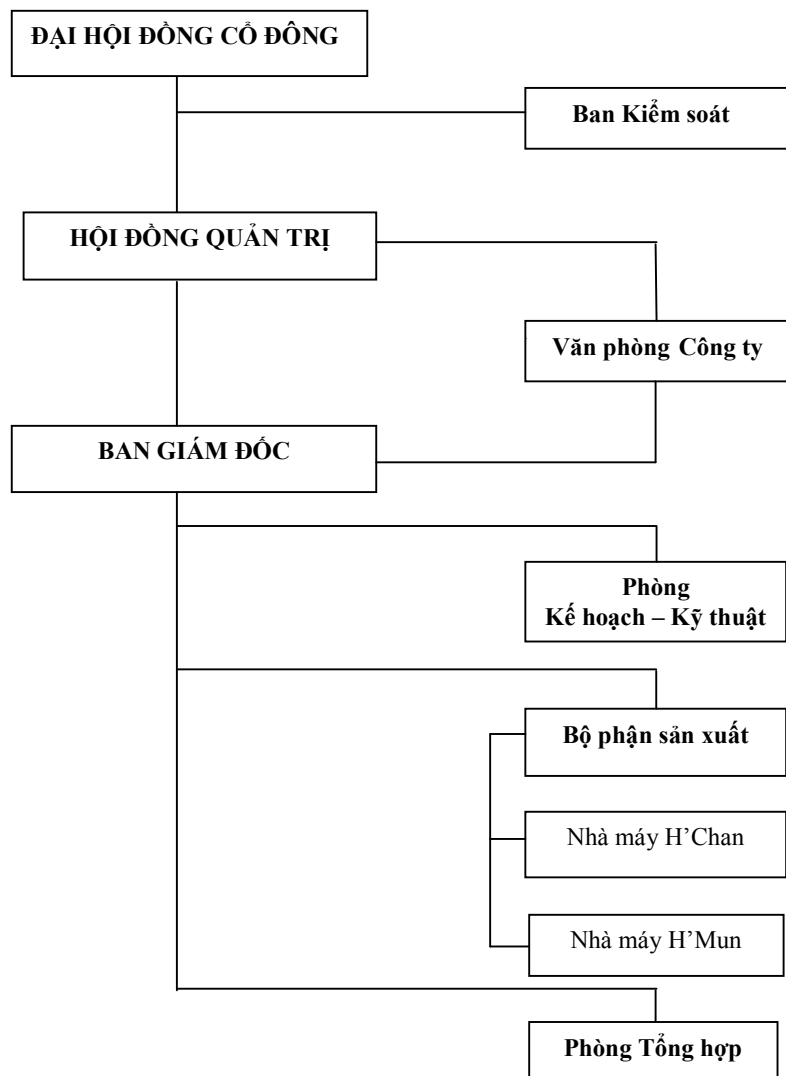
Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào tháng 08/2007. Đến ngày 02/01/2011, nhà máy thủy điện H'Mun chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 66 triệu kWh.

- Sản lượng điện và doanh thu trong các năm 2016 và năm 2017 của Công ty như sau :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Sản lượng kế hoạch (triệu kWh)	120,49	113,64
2	Sản lượng thực hiện (triệu kWh)	104,00	144,89
3	Tỷ lệ thực hiện (%)	86,31%	127,50%
4	Doanh thu bán điện (triệu đồng)	115.699	166.093

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

#### 3.1. Mô hình quản trị:



#### 🚩 Tổ chức bộ máy vận hành theo nguyên tắc:

- ✓ Quản trị: tập trung – chuẩn mực
- ✓ Kiểm soát: độc lập – trách nhiệm
- ✓ Điều hành: phân cấp – chuyên nghiệp



### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

#### ❖ Hội đồng quản trị:



**Ông Lê An Khang**  
Chủ tịch HĐQT



**Ông Nguyễn Đình Tuấn**  
Thành viên HĐQT



**Ông Đinh Châu Hiếu Thiện**  
Thành viên HĐQT



**Ông Trần Đình Lợi**  
Thành viên HĐQT



**Ông Hà Nguyên Hoàng**  
Thành viên HĐQT

#### ❖ Ban Kiểm soát:



**Ông Hàn Phi Hải**  
Trưởng BKS



**Bà Vũ Thị Kiều Vân**  
Thành viên BKS



**Ông Vũ Xuân Bình**  
Thành viên BKS

#### ❖ Ban Điều hành:



**Ông Trịnh Vinh Thanh**  
Giám Đốc



**Bà Võ Thị Tuyết Diệp**  
Kế toán trưởng

#### **4. Định hướng phát triển**

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun trong các năm sắp tới, trong năm 2018 và những năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, đầu tư vào các dự án năng lượng như: thủy điện, điện năng, điện gió... có tiềm năng, nhằm mang lại lợi ích cao và mở rộng phát triển của công ty.
- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của GHC, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử liên động, hoặc có tải; đến nay các chuyên gia cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc phát triển các hoạt động tư vấn xây dựng theo định hướng phát triển lâu dài.
- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty điện lực Miền Trung). Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.
- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.
- Thành lập ngày 02/06/2008 trên cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế hay bản quyền nào. Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiến hành đăng ký bản quyền thương hiệu và logo của mình.

#### **5. Các rủi ro:**

##### **5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Sản lượng điện: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thị trường tiêu thụ: sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tổng Công ty Điện lực Miền trung (CPC) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.
- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền

kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.

- Giá bán điện: đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước.

## **5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:**

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.
- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện.



## PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	THỰC HIỆN		So sánh (%)	
				TH 2017	TH 2016	TH/KH 2017	TH2017/TH2016
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr. kWh	113,64	144,89	104,00	128%	139%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	139,49	179,06	123,29	128%	145%
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,37	53,26	47,57	100%	112%
4	LN trước thuế TNDN	tỷ đ	86,12	125,79	75,72	146%	166%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	6,91	10,99	6,56	159%	168%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đ	79,21	114,80	69,16	145%	166%

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1. Danh sách Ban Điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
2	Bà Võ Thị Tuyết Diệp	Kế toán trưởng

#### 2.2. Sơ yếu lý lịch:

##### Giám đốc công ty:

Họ và tên:	<b>Trịnh Vinh Thanh</b>
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1977
CMND:	Số: 230511171, ngày cấp: 11/12/2010, nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Hoàng Văn Thái, P.Hoa Lư, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Năm 2000	Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
Từ năm 2000 đến 30/5/2001	Làm việc tại XN tư doanh Hoàng Anh Gia Lai
Từ 01/06/2001 đến tháng 4/2002	Làm việc tại NMTĐ A yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 5/2002 đến 10/2004	Làm việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 11/2004 đến 10/2005	Trạm phó thủy điện A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 11/2005 đến 10/2010	Phó phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012	Phó phòng Quản lý sản xuất – Công ty CP Điện Gia Lai
Từ tháng 01/01/2013 đến nay	Phó phòng Kỹ thuật – Sản xuất
Từ ngày 01/7/2016 đến 31/12/2016	Quyền trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất
Từ ngày 01/01/2017 đến nay	Trưởng phòng Kỹ thuật – Sản xuất

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ **Kế toán trưởng:**

Họ và tên:	<b>Võ Thị Tuyết Diệp</b>
Ngày tháng năm sinh:	15/04/1985
Nơi sinh:	Bình Định
CMND:	số 231156404, tại Gia Lai, cấp ngày 08/02/2014
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Mỹ hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Lê Duẩn – Pleiku – Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	
<i>Từ tháng 12/2006 đến tháng 7/2015</i>	Kế toán Công ty TNHH đầu tư và phát triển Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần thủy điện Gia Lai)
<i>Từ tháng 08/2015 đến 12/02/2017</i>	<i>Phụ trách kế toán – Công ty CP thủy điện Gia Lai</i>
<i>Từ ngày 13/02/2017 đến nay</i>	<i>Kế toán trưởng – Công ty CP thủy điện Gia Lai</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Kế toán trưởng
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ :	2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

### 2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không

### 2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2017:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2017: 47 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	1	2,13
2	Cán bộ có trình độ đại học	7	14,89
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	36	76,6
4	Nhân viên kỹ thuật	2	4,26
5	Lao động phổ thông/lao động khác	1	2,13
<b>Phân loại theo phòng ban chức năng</b>			
1	Ban Giám đốc	01	2,13
2	Văn phòng công ty	02	4,26
3	Phòng Tổng hợp	03	6,38
4	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật	02	4,26
5	Bộ phận sản xuất	39	82,98
<b>Tổng cộng</b>		<b>47</b>	<b>100</b>

#### - Chính sách đối với người lao động:

- Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.
- Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
- Cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: ký kết hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức cho CBCNV tham quan du lịch hàng năm.
- Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện đang hoạt động trong hệ thống GEC Group nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.
- Chính sách lương thưởng: Đối với CBCNV Bộ phận sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBCNV khối văn phòng hưởng lương theo ngạch/bậc công việc.

- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt và các chính sách phúc lợi, trợ cấp bao gồm: trợ cấp ốm đau, thai sản, tặng quà hoặc hiện kim ngày sinh nhật, kết hôn... và các chế độ khác áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động..

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không

### 4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2017:

#### 4.1 Báo cáo tình hình tài chính:

ĐVT: tr.đồng				
STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	362.841	415.311	+14,46%
2	Doanh thu thuần	115.699	166.093	+43,55%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.885	125.399	+65,25%
4	Lợi nhuận khác	(169)	394	
5	Lợi nhuận trước thuế	75.715	125.793	+66,14%
6	Lợi nhuận sau thuế	69.158	114.801	+66%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	3.205	5.320	+66%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	45%	+50%

#### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,73	2,57
▪ Hệ số thanh toán nhanh	1,69	2,54
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,18	0,18
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,23
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,40
▪ Vòng quay hàng tồn kho	17,90	21,69
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>		
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,60	0,69
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,23	0,34

▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,19	0,28
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,65	0,75

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**5.1. Cổ phần:** Đến thời điểm 29/12/2017, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 20.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.500.000 cổ phần

**5.3. Cơ cấu cổ đông:** Đến thời điểm 29/12/2017

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%) /VDL
<b>I</b>	<b>TRONG NƯỚC</b>	<b>4.019</b>	<b>20.278.894</b>	<b>98,92%</b>
1	Tổ chức	8	12.555.020	61,24%
2	Cá nhân	4.011	7.723.874	37,68%
<b>II</b>	<b>NƯỚC NGOÀI</b>	<b>9</b>	<b>221.106</b>	<b>1,08%</b>
1	Tổ chức	5	219.140	1,07%
2	Cá nhân	4	1.966	0,01%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.028</b>	<b>20.500.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 29/12/2017

TT	Cổ đông	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	5900181213	Số 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP Pleiku, Gia Lai	11.919.364	58,14
	<b>Cộng</b>			<b>11.919.364</b>	<b>58,14</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần Thủy Điện Gia Lai chốt ngày 29/12/2017)

**5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không

**5.4. Các chứng khoán khác:** không

## PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	THỰC HIỆN		So sánh (%)	
				TH 2017	TH 2016	TH/K H 2017	TH2017 / TH2016
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Tr. kWh	113,64	144,89	104,00	128%	139%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	139,49	179,06	123,29	128%	145%
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,37	53,26	47,57	100%	112%
4	LN trước thuế TNDN	tỷ đ	86,12	125,79	75,72	146%	166%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	6,91	10,99	6,56	159%	168%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đ	79,21	114,80	69,16	145%	166%

#### Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2017:

- Luôn chủ động trong công tác vận hành an toàn máy móc thiết bị, thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công... đảm bảo các nhà máy vận hành liên tục, không để sự cố do chủ quan xảy ra. Suất sự cố của NMTĐ H'Mun 0,73 sự cố/tháng, NMTĐ H'Chan 0,4 sự cố/tháng. Các sự cố này chỉ hư hỏng các thiết bị nhỏ lẻ giá trị thấp, không ảnh hưởng đến sản lượng của các Nhà máy;
- Thực hiện phương án phối hợp điều tiết nguồn nước, đảm bảo để nâng cao hiệu quả vận hành, tăng tối đa doanh thu của cả 02 nhà máy;
- Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện hoàn thiện các hạng mục sửa chữa chính tại 02 nhà máy thủy điện H'Chan, H'Mun;
- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đến các Sở Ban ngành để đảm bảo công tác vận hành theo đúng quy định của pháp luật.

### 2. Tình hình tài chính:

#### 2.1. Tình hình tài sản:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	2016	2017
A. Tài sản ngắn hạn	112.755.773.050	195.924.987.526
B. Tài sản dài hạn	250.085.598.712	219.386.116.153
C. Tổng tài sản	362.841.371.762	415.311.103.679
D. Nợ phải trả	65.231.083.808	76.289.212.720
E. Nguồn vốn chủ sở hữu	297.610.287.954	339.021.890.959
F. Tổng nguồn vốn	362.841.371.762	415.311.103.679

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,73	2,57
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,69	2,54
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,18	0,18
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,22	0,23
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	17,90	21,69
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,32	0,40
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,60	0,69
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,34
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,19	0,28
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,65	0,75

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
<b>1. Nợ ngắn hạn</b>	<b>65.231.083.808</b>	<b>76.289.212.720</b>
+ Phải trả người bán ngắn hạn	822.573.050	3.927.400.841
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.861.234.950	10.741.410.320
+ Phải trả người lao động	1.143.796.852	136.602.794
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	18.500.000	60.000.000
+ Phải trả ngắn hạn khác	48.836.478.414	51.049.630.532
+ Vay ngắn hạn	0	
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.548.500.542	10.374.168.233
<b>2. Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	
+ Vay dài hạn		

## 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

### 3.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2018:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2017	KH2018/ TH2017 (%)
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Điện thương phẩm	tr kWh	117,34	144,89	81%
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	147,99	179,06	83%
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,97	53,26	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	94,02	125,79	75%
5	Thuế TNDN	tỷ đ	7,36	10,99	67%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	86,66	114,80	75%

### **3.2. Giải pháp thực hiện:**

#### **a. Về sản xuất kinh doanh điện năng:**

- Tăng cường và chủ động kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị nhà máy, trạm biến áp và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra.
- Chủ động trong công tác phối hợp vận hành cho 2 nhà máy nhằm gia tăng hiệu quả công tác phát điện
- Tiếp tục áp dụng hiệu quả chế độ kiểm tra máy móc theo các danh mục kiểm tra đã được Công ty ban hành.
- Xây dựng cơ chế thống kê về suất sự cố và đánh giá lại vật tư, thiết bị dự phòng trong các năm trước để có sự chuẩn bị chu đáo hơn, vừa đảm bảo tiết kiệm cho Công ty vừa đảm bảo khắc phục nhanh các sự cố xảy ra.
- Triển khai lắp đặt hệ thống SCADA cho nhà máy thủy điện H'Chan.

#### **b. Về công tác tài chính:**

- Cân đối dòng tiền để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả nhất và tối ưu nhất.
- Lập phương án sử dụng vốn tăng thêm để đảm bảo doanh thu và chi phí từ hoạt động tài chính theo kế hoạch được duyệt.

#### **c. Công tác khác:**

##### **❖ Về nhân sự - tiền lương:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác 5S tại các nhà máy và văn phòng làm việc.
- Tăng cường công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên môn, tay nghề, thi sát hạch an toàn, thi nâng bậc...
- Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, khuyến khích và biểu dương các cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty.

##### **❖ Về công tác lập quy:**

- Tiếp tục phát huy, áp dụng có hiệu quả hệ thống văn bản lập quy hiện có của Công ty.
- Rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và sửa đổi một số văn bản lập quy, quy trình để phù hợp với thực tế của Công ty như: Sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, Phân cấp tài chính, Quy chế lương khối văn phòng ...

##### **❖ Về công tác Công bố thông tin và quản lý cổ đông:**

- Thực hiện công bố thông tin minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Rà soát lại các cổ đông nhỏ lẻ chưa nhận cổ tức, địa chỉ không rõ ràng để đưa ra phương án quản lý cổ đông phù hợp với quy định hiện hành.



## PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2017:

- Hội đồng quản trị (HDQT) có 5 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch HDQT. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban như: Tiểu ban kỹ thuật, kinh doanh, tài chính, nhân sự tổ chức nhằm triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị hiệu quả, cụ thể như sau:

<b>I. Tiểu ban Kỹ thuật</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện – Thành viên HDQT – Trưởng tiểu ban Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HDQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác sản xuất, kỹ thuật, sửa chữa, bảo dưỡng. - Phụ trách công tác phát triển công nghệ, phát triển sản xuất.
<b>II. Tiểu ban kinh doanh</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Trần Đình Lợi – Thành viên HDQT – Trưởng tiểu ban Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HDQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Tham gia nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. - Tham mưu Hội đồng quản trị phương án tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, nghiên cứu sản phẩm, phát triển dự án đầu tư xây dựng, đối ngoại trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
<b>III. Tiểu ban Tài chính</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Lê An Khang – Chủ tịch HDQT – Trưởng tiểu ban Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HDQT – Thành viên
2	Nhiệm vụ	- Phụ trách công tác tài chính, huy động vốn, điều phối vốn; - Phụ trách công tác mua sắm; - Phụ trách kế hoạch, đầu tư dự án.
<b>IV. Tiểu ban Nhân sự, Tổ chức</b>		
1	Nhân sự phụ trách	Ông Lê An Khang – Chủ tịch HDQT – Trưởng tiểu ban Ông Nguyễn Đình Tuấn – Thành viên HDQT – Thành viên Ông Trần Đình Lợi – Thành viên HDQT – Thành viên Ông Đinh Châu Hiếu Thiện – Thành viên HDQT – Thành viên Ông Hà Nguyên Hoàng – Thành viên HDQT – Thành viên
2	Phân công nhiệm vụ	- Phụ trách công tác tổ chức bộ máy, chính sách quản lý; - Phụ trách công tác nhân sự, tiền lương, đãi ngộ, tuyển dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật.

- Trong năm qua, HDQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 03 cuộc họp với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HDQT và 09 đợt lấy ý kiến bằng văn bản với 15 quyết định, 09 nghị quyết được ban hành. HDQT chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn các hoạt động của Công ty. Đảm bảo công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đề ra;
- Chỉ đạo Ban Điều hành bám sát thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT;
- Đưa ra những định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty nhằm hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ đề ra;
- Đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 3%/VĐL;
- HĐQT đã quyết định việc chia tạm ứng cổ tức trong năm 2017 với tỷ lệ cổ tức là 30 %;
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhằm phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời xây dựng, điều chỉnh hệ thống văn bản lập quy tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động của GHC;
- Tính toán các phương án để nâng cao tự động hóa tại nhà máy thủy điện H' Chan và H' Mun nhằm tối ưu hoạt động sản xuất của công ty;
- Chủ động tìm kiếm các dự án thủy điện để M&A và đàm phán với các tổ chức tín dụng liên quan đến công tác chuẩn bị nguồn vốn M&A. Bên cạnh đó tìm hiểu việc đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện năng và điện gió) nhằm giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường;
- Thoái vốn các dự án thủy điện không mang lại hiệu quả trong việc đầu tư.

## 2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Trong năm 2017 Công ty đã ban hành thay thế và bổ sung các văn bản lập quy nhằm tạo hành lang pháp lý giúp công tác quản trị và điều hành của Công ty quản lý được rủi ro.
- Năm qua, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 và các chủ trương của HĐQT.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai thực hiện kịp thời, đúng yêu cầu như: ban hành một số quy trình nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy của Công ty.
- Ban Điều hành đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, đạt được kết quả như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	113,64	144,89	128%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	139,49	179,06	128%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	79,21	114,80	145%

- Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và xem xét dòng tiền hiện tại, Công ty đã tiến hành chốt danh sách thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 30%/cổ phần, tương ứng với số tiền là 61,5 tỷ đồng.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định của Luật chứng khoán, thực hiện báo cáo, công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán đầy đủ và kịp thời.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018:**

- Theo đánh giá của các chuyên gia, kinh tế Việt Nam sẽ bước sang năm 2018 với những yếu tố thuận lợi nhất định. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; cải cách thể chế và thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, giảm chi phí sản xuất kinh doanh... được Chính phủ chỉ đạo quyết liệt sẽ phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực hơn cho hoạt động đầu tư - kinh doanh.
- Đối với ngành điện, trong giai đoạn 2010 - 2030, nhu cầu điện ở Việt Nam tăng thêm 10% mỗi năm. Mục tiêu quy hoạch điện VII vào năm 2020 Việt Nam đạt 265 tỷ kwh, và đến năm 2030 đạt 572 tỷ kWh. Do đó với nhu cầu điện như hiện nay thì nguy cơ thiếu điện giai đoạn 2018-2019 là rất lớn. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2018, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động như sau:

#### **a. Giải pháp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành nhà máy điện:**

- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ, năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) có tính khả thi cao trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận;
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Chủ động trong công tác phối hợp để tăng hiệu quả vận hành cho 2 nhà máy;
- Thực hiện bảo dưỡng, duy tu, thí nghiệm định kỳ các thiết bị đầy đủ và đúng quy định hiện hành, đảm bảo hoàn thành trong mùa khô, để sẵn sàng cho việc phát điện mùa mưa đồng thời để giảm thiểu suất sự cố xảy ra;
- Chấp hành tốt các quy trình, quy phạm trong công tác quản lý vận hành nhà máy điện và các quy định trong quy trình an toàn điện;
- Tính toán tối ưu phát điện, trong đó tập trung trí tuệ vào việc phân tích, dự báo nước chạy máy để đạt được kết quả tối ưu, kết hợp với tính toán hiệu quả kinh tế phát điện vào giờ cao điểm, sử dụng kết quả phân tích để điều chỉnh phương án chạy máy trong các trường hợp cụ thể;
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các thông tin về thời tiết, thủy văn trên địa bàn và các khu vực thượng lưu để chủ động trong hoạt động phát điện.

#### **b. Công tác tài chính:**

- Đảm bảo thanh khoản và thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ tiền bán điện;

- Chuẩn bị nguồn vốn để luôn sẵn sàng trong việc M&A các dự án năng lượng và đầu tư các dự án năng lượng khác;
- Chủ động làm việc với các tổ chức tín dụng để tìm kiếm nguồn vốn và lãi suất ưu đãi.

**c. Công tác quản trị nhân lực:**

- Tạo điều kiện về môi trường làm việc chuyên nghiệp, cơ hội phát triển bản thân và thu nhập cạnh tranh để thu hút nhân tài, những người có chuyên môn, trình độ năng lực, giàu kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thường xuyên đánh giá năng lực và khả năng của CBNV để bố trí công việc phù hợp, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, những công nhân có trình độ, nhiệt huyết vào những vị trí quản lý, lãnh đạo.
- Sử dụng quỹ khen thưởng cho người lao động, thực hiện chính sách thưởng công bằng, linh hoạt, coi khen thưởng là sự chia sẻ thành công của doanh nghiệp đối với người lao động.

**d. Các công tác khác:**

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho GHC.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Theo dõi tiến độ triển khai công việc thực hiện các dự án mà GHC tham gia góp vốn.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2018 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 cơ bản như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2018	TH 2017	KH2018/TH2017 (%)
A	B	C	1	2	3=1/2
1	<b>Điện thương phẩm</b>	<b>tr kWh</b>	<b>117,34</b>	<b>144,89</b>	<b>81%</b>
2	Tổng doanh thu	tỷ đ	147,99	179,06	<b>83%</b>
3	Tổng chi phí	tỷ đ	53,97	53,26	<b>101%</b>
4	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đ	94,02	125,79	<b>75%</b>
5	<b>Thuế TNDN</b>	<b>tỷ đ</b>	<b>7,36</b>	<b>10,99</b>	<b>67%</b>
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đ	86,66	114,80	<b>75%</b>

## PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Lê An Khang	Chủ tịch HĐQT
2.	Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên HĐQT
3.	Hà Nguyên Hoàng	Thành viên HĐQT
4.	Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT
5.	Đình Châu Hiếu Thiện	Thành viên HĐQT

#### ❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên:	<b>Lê An Khang</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/12/1981
Nơi sinh:	Tiền Giang
CMND:	311635876 Ngày cấp 01/09/2008 tại Tiền Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Đức – Châu Thành – Tiền Giang
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế phát triển

#### Quá trình công tác

Từ 05/1/2015 đến nay	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
Từ năm 10/2014 đến 05/1/2015	Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty CP Điện Gia Lai
Từ tháng 07/2013 – tháng 10/2014	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đường Biên Hòa
Từ tháng 06/2013 – tháng 07/2013	Trợ lý CT.HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa
Từ tháng 02/2013 – tháng 05/2013	Giám đốc khối Công ty CP Bourbon Tây Ninh

Từ tháng 07/2011 – tháng 01/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đường Ninh Hòa
Từ 2008 – tháng 06/2011	Giám đốc CTCP khai thác & QL KCN Đặng Huỳnh
Từ 2004 đến 2008	CV kế hoạch Công ty Bay dịch vụ hàng không
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ nắm giữ :	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**❖ Thành viên Hội đồng quản trị:**

Họ và tên:	<b>Nguyễn Đình Tuấn</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	14/3/1963
Nơi sinh:	Kon Tum
CMND:	số 230690452 do Công an Gia Lai cấp ngày 11/03/2010
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoài Nhơn - Bình Định
Trình độ văn hóa:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 09/1990 – tháng 12/1993	Nhân viên kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 01/1994 – tháng 12/1998	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 01/1999 – tháng 12/2001	Trưởng phòng Kế hoạch- Kỹ thuật Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 12/2001 – tháng 7/2002	Trưởng phòng KTVT – XDCB Công ty Điện Gia Lai
Từ tháng 8/2002 – tháng 05/2008	Giám đốc Công ty TNHH ĐT và PT Điện Gia Lai
Từ tháng 06/2008 – tháng 03/2011	Giám đốc Công ty CP Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 04/2011 – 9/2014	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai TV HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 10/2014 đến 01/2015	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai CT HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Điện Gia Lai TV HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:	Phó Tổng giám Công ty CP Điện Gia Lai kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Trường Phú
Số cổ phần nắm giữ :	20.000 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	20.000 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Hà Nguyễn Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1983

Nơi sinh: Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định

CMND: số 211739931 Ngày cấp 25/01/2010

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ân Mỹ - Hoài Ân – Bình Định

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tự động hóa

**Quá trình công tác**

Từ 05/1/2015 đến nay: Giám đốc khối kỹ thuật – Công ty CP Điện Gia Lai

Từ 2013 đến 04/01/2014: Giám đốc TT PTCN – Công ty CP Điện Gia Lai

Từ 2009 – 2013: Phó phòng kỹ thuật Công ty CP Điện Gia Lai

Từ 2005 – 2009: Nhân viên phòng KT-VT-XDCB Công ty Điện Gia Lai

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Khối năng lượng – Công ty CP đầu tư Thành Thành Công.

Số cổ phần nắm giữ : 15.000 cổ phần, chiếm 0,73% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,73% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không



Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC

Không

Những khoản nợ đối với Công ty:

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không

**❖ Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên: **Trần Đình Lợi**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/05/1959

Nơi sinh: Quảng Nam

CMND: số 200022247 Ngày cấp 12/01/1995 Nơi cấp: CA Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, cử nhân quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác**

Từ tháng 09/1984 đến nay Công tác tại Công ty Điện Lực 3 – Nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung

Từ tháng 05/1982 – 08/1984 Đi bộ đội

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Trưởng ban tổ chức Tổng Công ty Điện lực miền Trung;

Chủ tịch Công đoàn cơ quan Tổng Công ty Điện lực miền Trung

Số cổ phần nắm giữ: 651.500 cổ phần, chiếm 3,178% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 651.500 cổ phần, chiếm 3,178% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**❖ Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên:	<b>Đình Châu Hiếu Thiện</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/03/1966
Nơi sinh:	Tp Đà Nẵng
CMND:	số 200883515 Ngày cấp 26/06/2007 tại Đà Nẵng
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên Huế
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện, Thạc sỹ Kinh tế

**Quá trình công tác**

Từ 15/11/2014 – đến nay	Trưởng Ban Quản lý xây dựng – Tổng Công ty Điện lực miền Trung
Từ tháng 4/2010 – 14/11/2014	Trưởng Ban Quản lý Thủy điện – Tổng Công ty Điện lực miền Trung
Từ 04/2010 – 4/2010	Trưởng phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3
Từ 7/2002 – 4/2005	Phó phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3
Từ 03/1995 – 01/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch – Vật tư – Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty Điện lực 3
Từ 01/1992 – 04/1995	Chuyên viên phân xưởng Rơ le tự động – Trung tâm thí

nghiệm điện – Công ty Điện lực 3

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên Hội đồng quản trị
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Giám đốc – Công ty Điện cao thế Miền Trung
Số cổ phần nắm giữ :	43.600 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	43.600 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

#### 11.1. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Hàn Phi Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Vũ Xuân Bình	Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Vũ Thị Kiều Vân	Thành viên Ban Kiểm soát

#### ❖ Trưởng Ban kiểm soát:

Họ và tên:	<b>Hàn Phi Hải</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	05/07/1978
Nơi sinh:	Kon Tum
CMND:	số 233026245 do Công an Kon Tum cấp ngày 03/03/2005

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	An Nhơn - Bình Định
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác**

Từ tháng 12/2000 – tháng 01/2013	Kế toán Tổng hợp – CTCP kinh doanh tổng hợp Kon Tum
Từ tháng 02/2013 đến nay	Chuyên viên phòng KSNB – CTCP Điện Gia Lai
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên Ban KTNB - Công ty CP Điện Gia Lai.
Số cổ phần nắm giữ :	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

**❖ Thành viên Ban kiểm soát:**

Họ và tên:	<b>Vũ Thị Kiều Vân</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	29/7/1980
Nơi sinh:	Ninh Bình
CMND:	Số 201400018 do CATP Đà Nẵng cấp ngày 25/6/2007
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoa Lư – Ninh Bình
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành kế toán)

### **Quá trình công tác**

Từ năm 2002 – 2005	Nhân viên kế toán Công ty Logitem Việt Nam, CN ĐÀ NẴNG
Từ 2005 đến nay	Chuyên viên P. Tài chính – Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung)
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên ban kiểm soát (từ tháng 06/2008)
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên viên P. Tài chính – Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty Điện lực miền Trung)
Số cổ phần nắm giữ :	10.000 cổ phần, chiếm 0,048% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	10.000 cổ phần, chiếm 0,048% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Thành viên Ban kiểm soát:**

Họ và tên : **Vũ Xuân Bình**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 03/10/1983

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Số CMND : 230575181

Nguyên quán : Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ thường trú : 44 Ngõ Thị Nhậm, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Số điện thoại liên lạc : 0905.83.82.81

Hộp thư (Email) : [binhvx@geccom.vn](mailto:binhvx@geccom.vn)

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

❖ **Quá trình công tác:**

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>	<b>Chức vụ</b>
Từ năm 2005 đến năm 2008	Công ty TNHH MTV 145 – Binh đoàn 12	NV Kế toán
Từ năm 2008 đến 31/07/2011	Công Ty cổ Phần Thủy Điện Gia Lai	Kế toán tổng hợp
01/08/2011 đến 30/09/2011	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	CV Kế hoạch
01/10/2011 đến 30/04/2013	Công ty CP Mía đường Nhiệt Điện Gia Lai ( <i>nay là Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh – Chi nhánh Gia Lai</i> )	Kế toán thanh toán, Phó phòng TCKT
01/05/2013 đến 31/01/2014	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông ly tâm Gia Lai ( <i>nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp và cơ điện Gia Lai</i> )	TP. Kinh tế - Kế hoạch kiêm Kế toán trưởng
01/02/2014 đến 08/10/2015	Công ty cổ phần thủy điện Trường Phú	TP. Kinh tế - Kế hoạch kiêm Kế toán trưởng
12/10/2015 đến 31/01/2017	Công ty Cổ phần điện Gia Lai	CV Kế hoạch
01/11/2015 đến 31/3/2017	Công ty cổ phần thủy điện Gia Lai	Phó Phòng Tổng hợp

<b>Thời gian</b>	<b>Nơi làm việc</b>	<b>Chức vụ</b>
01/02/2017 đến nay	Công ty Cổ phần điện Gia Lai	CV P. KSNB

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : CV Phòng Kiểm soát nội bộ - Cty CP điện Gia Lai

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ tại thời điểm :  
điểm :

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không

## PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 10 tháng 3 năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

---

**Mai Viết Hùng Trân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0048-2018-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

---

**Lại Hùng Phương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2432-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6598  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2018

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>195.924.987.526</b>	<b>112.755.773.050</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>127.941.504.646</b>	<b>20.757.627.323</b>
111	Tiền		25.441.504.646	257.627.323
112	Các khoản tương đương tiền		102.500.000.000	20.500.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>65.682.889.098</b>	<b>89.641.834.509</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	23(b)	21.619.937.167	45.576.299.046
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	43.044.000.000	340.500.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	1.018.951.931	43.725.035.463
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>2.283.206.584</b>	<b>2.285.325.182</b>
141	Hàng tồn kho		2.283.206.584	2.285.325.182
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.387.198</b>	<b>70.986.036</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		-	63.614.342
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10(b)	17.387.198	7.371.694
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>219.386.116.153</b>	<b>250.085.598.712</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>218.346.945.483</b>	<b>237.098.194.617</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	216.917.986.508	235.660.604.942
222	Nguyên giá		396.562.068.089	394.231.384.979
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(179.644.081.581)	(158.570.780.037)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	1.428.958.975	1.437.589.675
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(64.011.025)	(55.380.325)
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>12.100.000.000</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết	8	-	12.000.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	100.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.039.170.670</b>	<b>887.404.095</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.039.170.670	887.404.095
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>415.311.103.679</b>	<b>362.841.371.762</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**  
**(tiếp theo)**

<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>76.289.212.720</b>	<b>65.231.083.808</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>76.289.212.720</b>	<b>65.231.083.808</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	3.927.400.841	822.573.050
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10(a)	10.741.410.320	7.861.234.950
314	Phải trả người lao động		136.602.794	1.143.796.852
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		60.000.000	18.500.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	11	51.049.630.532	48.836.478.414
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12	10.374.168.233	6.548.500.542
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>339.021.890.959</b>	<b>297.610.287.954</b>
410	Vốn chủ sở hữu		339.021.890.959	297.610.287.954
411	Vốn góp của chủ sở hữu	13, 14	205.000.000.000	205.000.000.000
<i>411a</i>	<i>- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>205.000.000.000</i>	<i>205.000.000.000</i>
412	Thặng dư vốn cổ phần	14	52.499.670.000	52.499.670.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	14	47.026.090.100	28.883.472.879
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	14	34.496.130.859	11.227.145.075
<i>421a</i>	<i>- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước</i>		<i>1.619.252.604</i>	<i>877.188.123</i>
<i>421b</i>	<i>- LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>32.876.878.255</i>	<i>10.349.956.952</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>415.311.103.679</b>	<b>362.841.371.762</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>	
10	Doanh thu thuần về bán hàng	17	166.093.458.341	115.699.076.272
11	Giá vốn hàng bán	18	49.536.000.048	41.069.897.170
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)</b>		<b>116.557.458.293</b>	<b>74.629.179.102</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19	12.506.576.676	7.393.247.688
22	Chi phí tài chính		-	2.352.742.493
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	2.352.742.493
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.664.752.539	3.785.061.110
<b>30</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>		<b>125.399.282.430</b>	<b>75.884.623.187</b>
31	Thu nhập khác		455.007.326	194.088.119
32	Chi phí khác		61.245.295	363.439.308
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)</b>		<b>393.762.031</b>	<b>(169.351.189)</b>
<b>50</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>		<b>125.793.044.461</b>	<b>75.715.271.998</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>21</b>	<b>10.991.357.088</b>	<b>6.557.422.575</b>
<b>52</b>	<b>Thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>21</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>114.801.687.373</b>	<b>69.157.849.423</b>
<b>70</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>5.320</b>	<b>3.205</b>
<b>71</b>	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>5.320</b>	<b>3.205</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>125.793.044.461</b>	<b>75.715.271.998</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
<b>02</b>	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	22.329.013.408	22.398.150.547
<b>05</b>	Lãi từ hoạt động đầu tư	(12.810.069.658)	(7.396.307.165)
<b>06</b>	Chi phí lãi vay	-	2.342.976.701
<b>08</b>	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	135.311.988.211	93.060.092.081
<b>09</b>	Tăng các khoản phải thu	(19.088.797.429)	(15.160.295.294)
<b>10</b>	Giảm hàng tồn kho	2.118.598	16.645.628
<b>11</b>	Tăng các khoản phải trả	1.737.849.399	3.801.461.167
<b>12</b>	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(88.152.233)	69.418.540
<b>14</b>	Tiền lãi vay đã trả	-	(2.342.976.701)
<b>15</b>	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.757.918.115)	(5.846.137.809)
<b>16</b>	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	20.000.000	-
<b>17</b>	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.914.416.677)	(2.079.641.666)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>108.222.671.754</b>	<b>71.518.565.946</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>21</b>	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(3.984.271.292)	(1.423.803.660)
<b>22</b>	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	710.000.000	144.645.456
<b>26</b>	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	62.483.562.000	6.316.438.000
<b>27</b>	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.140.742.012	2.868.614.566
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>64.350.032.720</b>	<b>7.905.894.362</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>34</b>	Chi trả nợ gốc vay	-	(54.696.161.023)
<b>36</b>	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(65.388.827.151)	(71.066.134.003)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(65.388.827.151)</b>	<b>(125.762.295.026)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>107.183.877.323</b>	<b>(46.337.834.718)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3 20.757.627.323</b>	<b>67.095.462.041</b>
<b>61</b>	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 127.941.504.646</b>	<b>20.757.627.323</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 5 năm 2002. Giấy chứng nhận điều chỉnh mới nhất được cấp ngày 13 tháng 4 năm 2016.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 291/TB-SGDHN ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán GHC.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 47 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 47 nhân viên).

### **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyên, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### **2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### **2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

### **2.7 Đầu tư**

#### **(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.7 Đầu tư (tiếp theo)**

#### **(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

#### **(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

### **2.8 Tài sản cố định**

#### ***Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình***

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

#### ***Khấu hao***

Tài sản cố định được khấu hao/hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Khác	3 - 25 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 43 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp ngày 7 tháng 10 năm 2010.

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

#### ***Thanh lý***

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

#### ***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### **2.9 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### **2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **2.15 Vốn cổ phần**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập và sau khi đã trích các quỹ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại thời điểm báo cáo.

### **2.16 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt nam có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty phân chia lợi nhuận thuần như sau:

#### **(a) Quỹ đầu tư phát triển**

**Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.**

#### **(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **(c) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.17 Ghi nhận doanh thu**

#### **(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

#### **(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

### **2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

### **2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### **2.22 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

## 2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách **toàn diện**.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	23.415.588	6.694.684
Tiền gửi ngân hàng	25.418.089.058	250.932.639
Các khoản tương đương tiền (*)	102.500.000.000	20.500.000.000
	—	—
	127.941.504.646	20.757.627.323
	=	=

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trong vòng 3 tháng.

#### 4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	44.000.000	340.500.000
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b)) (*)	43.000.000.000	-
	<u>43.044.000.000</u>	<u>340.500.000</u>

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQ - HĐQT ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty thỏa thuận ký Hợp đồng mua hàng với tổng giá trị hợp đồng là 63 tỷ đồng và ứng trước cho bên bán số tiền là 43 tỷ đồng (Thuyết minh 23(a)).

Công ty được hưởng lãi suất 9,5%/năm trên số tiền tạm ứng và nhận thể chấp 4.500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

#### 5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi phải thu	600.666.667	102.184.723
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	402.329.789	43.445.947.840
Phải thu người lao động tạm ứng	10.741.900	171.902.900
Khác	5.213.575	5.000.000
	<u>1.018.951.931</u>	<u>43.725.035.463</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

#### 6 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên vật liệu tồn kho	314.470.294	399.712.530
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.968.736.290	1.885.612.652
	<u>2.283.206.584</u>	<u>2.285.325.182</u>

## 7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	193.478.121.738	156.024.338.264	4.903.660.391	161.650.000	39.663.614.586	394.231.384.979
Mua trong năm	-	3.172.790.909	-	-	811.480.383	3.984.271.292
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.653.588.182)	-	-	(1.653.588.182)
	<u>193.478.121.738</u>	<u>159.197.129.173</u>	<u>3.250.072.209</u>	<u>161.650.000</u>	<u>40.475.094.969</u>	<u>396.562.068.089</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	193.478.121.738	159.197.129.173	3.250.072.209	161.650.000	40.475.094.969	396.562.068.089
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	73.029.354.580	62.828.044.931	1.796.108.145	34.712.280	20.882.560.101	158.570.780.037
Khấu hao trong năm	9.859.978.080	9.103.382.196	287.897.564	28.205.004	3.040.919.864	22.320.382.708
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.247.081.164)	-	-	(1.247.081.164)
	<u>82.889.332.660</u>	<u>71.931.427.127</u>	<u>836.924.545</u>	<u>62.917.284</u>	<u>23.923.479.965</u>	<u>179.644.081.581</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	82.889.332.660	71.931.427.127	836.924.545	62.917.284	23.923.479.965	179.644.081.581
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	120.448.767.158	93.196.293.333	3.107.552.246	126.937.720	18.781.054.485	235.660.604.942
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	110.588.789.078	87.265.702.046	2.413.147.664	98.732.716	16.551.615.004	216.917.986.508

## 7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### (a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày cuối năm, nguyên giá tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 121,3 triệu đồng (tại ngày đầu năm: 0 đồng).

Tại ngày cuối năm, Công ty đã sử dụng một phần TSCĐ hữu hình và quyền sử dụng đất (Thuyết minh 7(b)) liên quan đến dự án thủy điện H’Chan và H’Mun với tổng giá trị còn lại là 217 tỷ đồng (tại ngày đầu năm: 236 tỷ đồng) để làm tài sản đảm bảo bổ sung cho khoản vay của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai - Công ty mẹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai.

### (b) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất  
VND

#### Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.492.970.000

#### Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Khấu hao trong năm

55.380.325

8.630.700

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

64.011.025

#### Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

1.437.589.675

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.428.958.975

## 8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ cho Công ty Cổ phần Điện Gia Lai - Công ty mẹ với tổng giá trị chuyển nhượng là 19.200.000.000 đồng (Thuyết minh 23(a)).

## 9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên thứ ba	266.220.912	73.443.050
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	3.661.179.929	749.130.000
	<u>3.927.400.841</u>	<u>822.573.050</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả người bán ngắn hạn nào bị quá hạn.

## 10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

### (a) Phải nộp

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	4.168.544.735	10.991.357.088	(7.757.918.115)	7.401.983.708
Thuế giá trị gia tăng	2.149.337.644	15.913.979.278	(16.499.723.604)	1.563.593.318
Thuế tài nguyên	1.543.352.571	11.825.889.031	(12.058.378.939)	1.310.862.663
Các khoản phí, lệ phí	-	464.970.631	-	464.970.631
	<u>7.861.234.950</u>	<u>39.196.196.028</u>	<u>(36.316.020.658)</u>	<u>10.741.410.320</u>

### (b) Phải thu

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước chủ yếu bao gồm tiền thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

## 11 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 16)	49.683.851.101	47.422.678.252
Phí bảo vệ môi trường rừng	1.285.026.896	1.066.992.880
Khác	80.752.535	346.807.282
	<u>51.049.630.532</u>	<u>48.836.478.414</u>
Trong đó		
Bên liên quan (Thuyết minh 23(b))	28.807.520.922	27.585.125.800
Bên thứ ba	22.242.109.610	21.251.352.614
	<u>51.049.630.532</u>	<u>48.836.478.414</u>

Tại ngày cuối năm và ngày đầu năm, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả ngắn hạn khác nào bị quá hạn.



## 12 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	6.548.500.542	3.616.589.762
Tặng (Thuyết minh 15)	5.740.084.368	5.011.552.446
Sử dụng trong năm	(1.914.416.677)	(2.079.641.666)
Số cuối năm	<u>10.374.168.233</u>	<u>6.548.500.542</u>

## 13 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

### (a) Số lượng cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu phổ thông	Số đầu năm Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký; đã phát hành và đang lưu hành	<u>20.500.000</u>	<u>20.500.000</u>

### (b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	11.919.364	58,14	11.919.364	58,14
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	600.000	2,93	600.000	2,93
Các cổ đông khác	7.980.636	38,93	7.980.636	38,93
	<u>20.500.000</u>	<u>100</u>	<u>20.500.000</u>	<u>100</u>

### (c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	20.500.000	205.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>20.500.000</u>	<u>205.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

14 **TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	7.555.848.098	293.938.990.977
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.157.849.423	69.157.849.423
Cổ tức công bố	-	-	-	(60.475.000.000)	(60.475.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 12)	-	-	-	(5.011.552.446)	(5.011.552.446)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	205.000.000.000	52.499.670.000	28.883.472.879	11.227.145.075	297.610.287.954
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	114.801.687.373	114.801.687.373
Cổ tức công bố (Thuyết minh 16) (*)	-	-	-	(67.650.000.000)	(67.650.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	18.142.617.221	(18.142.617.221)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 12)	-	-	-	(5.740.084.368)	(5.740.084.368)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	205.000.000.000	52.499.670.000	47.026.090.100	34.496.130.859	339.021.890.959

(\*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 (“Nghị quyết 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ”), Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2017/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc chi cổ tức còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 3%, tạm ứng 7% và 23% cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.

15 **LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

(a) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận thuần (VND)	114.801.687.373	69.157.849.423
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(5.740.084.368)	(3.457.892.471)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	109.061.603.005	65.699.956.952
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	20.500.000	20.500.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>5.320</u>	<u>3.205</u>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận của Công ty.

(b) **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

16 **CỔ TỨC**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Số dư đầu năm	47.422.678.252	58.013.812.255
Cổ tức công bố (Thuyết minh 14)	67.650.000.000	60.475.000.000
Cổ tức đã trả	(65.388.827.151)	(71.066.134.003)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm (Thuyết minh 11)	<u>49.683.851.101</u>	<u>47.422.678.252</u>

17 **DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu bán điện (Thuyết minh 23(a))	<u>166.093.458.341</u>	<u>115.699.076.272</u>

18 **GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn bán điện	49.536.000.048	41.069.897.170

19 **DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư (Thuyết minh 23(a))	7.200.000.000	4.500.000.000
Lãi tiền gửi	2.272.993.145	1.023.054.330
Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 23(a))	2.121.930.557	-
Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 23(a))	911.652.974	1.860.455.295
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	9.738.063
	<u>12.506.576.676</u>	<u>7.393.247.688</u>

20 **CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nhân công	1.471.797.465	1.773.495.692
Chi phí khấu hao và hao mòn	80.962.229	143.195.835
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	43.133.420	54.393.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.139.154	16.873.786
Chi phí khác	2.056.720.271	1.797.102.131
	<u>3.664.752.539</u>	<u>3.785.061.110</u>

21 **THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Đối với dự án thủy điện H’Chan, Công ty được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006), thuế TNDN được miễn trong 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với dự án thủy điện H’Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 9 năm (từ năm 2015 đến năm 2023).

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	125.793.044.461	75.715.271.998
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	845.087.273	642.938.404
Thù lao Hội đồng Quản trị	375.000.000	399.000.000
Lợi nhuận tính thuế ước tính		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	54.666.288.769	35.082.879.881
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	62.113.259.434	35.315.875.225
Thu nhập khác	10.233.583.531	6.358.455.296
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	5.466.628.877	3.508.287.987
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	12.422.651.887	7.063.175.045
Thu nhập khác	2.046.716.705	1.271.691.060
Thuế được miễn giảm		
Dự án Nhà máy thủy điện H'Chan	(2.733.314.438)	(1.754.143.994)
Dự án Nhà máy thủy điện H'Mun	(6.211.325.943)	(3.531.587.523)
Chi phí thuế TNDN (*)	10.991.357.088	6.557.422.575
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	10.991.357.088	6.557.422.575
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	10.991.357.088	6.557.422.575

(\*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

22 **CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.329.013.408	22.398.150.547
Chi phí nguyên liệu vật liệu	614.605.830	336.740.209
Chi phí nhân công	8.698.228.819	7.281.283.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.756.195	194.194.329
Các chi phí khác bằng tiền	21.415.148.335	14.644.589.203
	<u>53.200.752.587</u>	<u>44.854.958.280</u>

23 **THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (“Công ty mẹ”), một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 58,14% vốn điều lệ của Công ty.

(a) **Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan.

<b>Bên liên quan</b>	<b>Quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Doanh thu bán điện (Thuyết minh 17)	166.093.458.341	115.699.076.272
		Cổ tức công bố	1.980.000.000	1.770.000.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	39.333.901.200	35.162.123.800
		Thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 8)	19.200.000.000	-
		Lãi do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 19)	7.200.000.000	-
		Mua tài sản cố định	3.095.164.545	-
		Mua dịch vụ, hàng hóa	1.323.981.986	1.347.615.066
		Chi phí được trả hộ	1.101.779.099	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Bên liên quan khác	Lãi chậm thanh toán (Thuyết minh 19)	911.652.974	1.860.455.295
		Thanh lý khoản đầu tư	-	49.500.000.000
		Lãi do thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 19)	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 4)	43.000.000.000	-
		Lãi ứng trước tiền hàng (Thuyết minh 19)	2.121.930.557	-

**23 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)****Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lương và các quyền lợi gộp khác		
Ban kiểm soát và Hội đồng Quản trị	549.355.396	699.110.850
Ban Giám đốc	481.632.000	783.170.924
	<u>1.030.987.396</u>	<u>1.482.281.774</u>

**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	<b>Số năm nay VND</b>	<b>Số năm trước VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	<u>21.619.937.167</u>	<u>45.576.299.046</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	<u>43.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)</b>		
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	351.763.889	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú	50.565.900	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	76.456.615
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	43.369.491.225
	<u>402.329.789</u>	<u>43.445.947.840</u>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 9)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	<u>3.661.179.929</u>	<u>749.130.000</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 11)</b>		
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	27.427.520.922	26.265.125.800
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	1.380.000.000	1.320.000.000
	<u>28.807.520.922</u>	<u>27.585.125.800</u>

## 24 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

## 25 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa có hướng dẫn từ cơ quan chức năng về dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## 26 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



*Lê An Khang*